

Tên:

Week: 31

Lớp: S2...

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../.../...

Nghe HW:

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../.../...

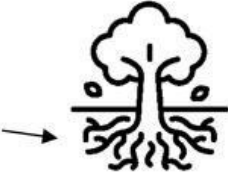








GE2 - Unit 7: The world around us - Vocabulary Revision






A. THEORY

I. VOCABULARY REVISION

❖ Plants (Cây cối)

			
root (n) rễ (cây)	stem (n) thân (cây)	leaf (n) lá	seed (n) hạt
			
planting (v-ing) trồng cây	watering (v-ing) tưới nước	picking up (v-ing) nhặt lên	

❖ Fruits (Trái cây)

				
kiwi (n) quả ki-wi	lychee (n) quả vải	mango (n) quả xoài	pineapple (n) quả dứa	watermelon (n) quả dưa hấu

II. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	soil (n)	đất	3	baseball (n)	bóng chày
2	vase (n)	bình hoa	4	chips (n)	khoai tây chiên

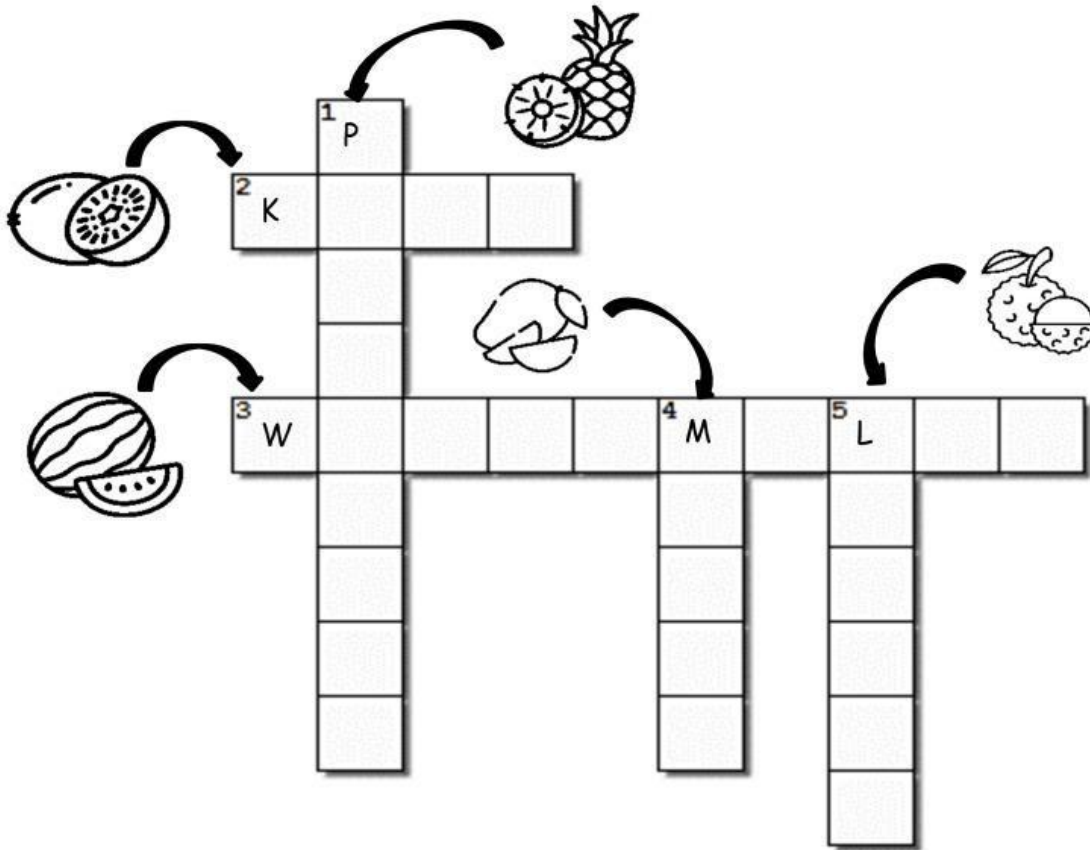
*Note: n = noun: danh từ; v-ing = verb-ing: động từ thêm đuôi -ing.

B. HOMEWORK



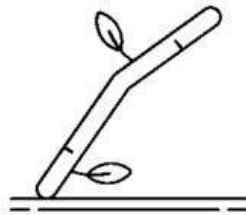



VOCABULARY & GRAMMAR (20 questions)

Exercise 1. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục II. EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Do the crossword. (Làm ô chữ.)



Exercise 3. Look and unscramble the words. (Nhìn và sắp xếp lại các từ.)

 <p>0. s d e e <u>s e e d</u></p>	 <p>1. t e r w a i n g</p>	 <p>2. s m t e</p>
 <p>3. p l t i n g a n</p>	 <p>4. a f l e</p>	 <p>5. r t o o</p>

Exercise 4. Read and choose the correct words to fill in the blanks.

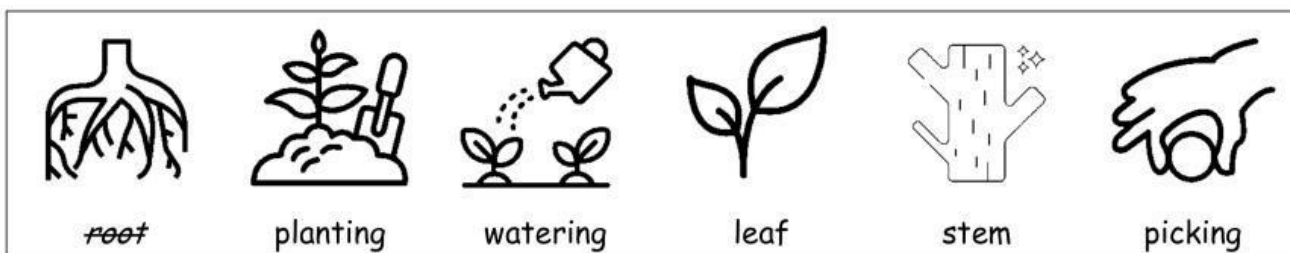
(*Đọc và chọn từ đúng để điền vào chỗ trống.*)

My name is Ben. I like helping my mum in the garden.

First, we look at the (0) root of the plant. It grows under the ground. Then we see the (1) and the (2) They are green and very nice.

On the weekend, we do some (3) We put small plants in the soil. Every day, we do some (4) to help the plants grow.

Sometimes, we see flowers and we enjoy (5) them up and putting them in a vase.



Exercise 5. Match the questions with the correct answers. (*Nói câu hỏi với câu trả lời đúng.*)

~~0. What do you do after school?~~

a. I go to school by bus.



1. Where do you live?

b. I have English and Math.



2. How do you go to school?

c. I live in Hanoi.



3. What subjects do you have today?

~~d. I play football.~~



4. Where does your father work?

e. He works in a hospital.



5. How does she go to work?

f. She goes by car.



Your answer:

0 - d 1 - 2 - 3 - 4 - 5 -

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)



STARTERS PART 3

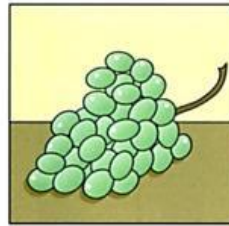
Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2-w31-homework-starters-part-3>

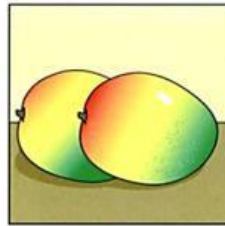


Listen and tick (✓) the box.

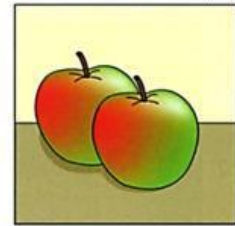
0. What's Bill's favourite fruit?



A



B



C

1. Which bag can May have?



A



B



C

2. What is Grandad's favourite game?



A



B



C

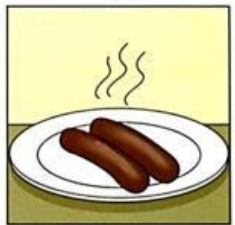
3. What can the boy have for lunch today?



A

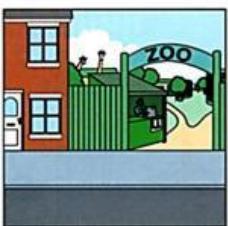


B



C

4. Where's Ben going?



A



B

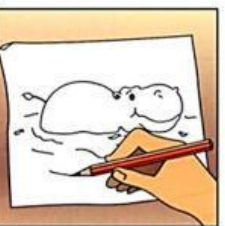


C

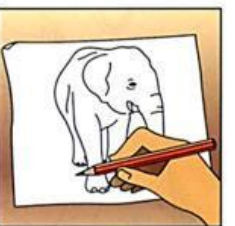
5. What's Anna drawing?



A



B



C